

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 26.../TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bao bì MF TBA đựng sản phẩm thực phẩm

2. Thành phần chính: là nhựa Phenol, nhựa Melamin và nhựa Ure.

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: lớp kim loại mỏng
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Polyethylene

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 01 năm kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói thành cuộn và được bọc lớp PE để tránh ẩm và bụi.
- Cuộn bao bì được đóng trên pallet, 6 cuộn/pallet.
- Mỗi pallet được bọc lớp PE bên ngoài bảo vệ.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà máy sản xuất: TETRA PAK JURONG PTE LTD.
- Địa chỉ nhà sản xuất: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

1. Mô tả sản phẩm: Bao bì MF TBA đựng thực phẩm



2. Nhãn sản phẩm dự kiến:

Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa		Pallet Number / Pa-lét số	
SP VNM ADM GOLD SWEET TBA200SMF		15	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa	Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất	EAN	Tương đương
DVN-D716 -02	P531-0761600	893467313734	0
NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM		Global Id	Tương đương
		930837936	TBA/JL
Pallet Contents / Pa-lét gồm	Country Code	Content	Export / Số xuất
7-0012 / 10220	115	97329005399145	04
5-0012 / 10220		SSCC	Vị trí pallet/Điểm tương ứng
3-0012 / 10220		373295307616000150	040880
1-0012 / 10220		Batch / Lô sản xuất	Print Date DD MM YY / Ngày sản xuất
		0761600015	09.07.19
	Made in / Sản xuất tại Singapore Nhà nhập khẩu: CTCP Tetra Pak Việt Nam Hướng dẫn sử dụng và Thông số kỹ thuật: Xem tài liệu đính kèm	Customer Part Number	Best Before DD MM YY / Hạn sử dụng
		R4AD17	07.07.20

(02)97329005399145(11)190709(37)04(241)R4AD17

(00)373295307616000150(30)40880(10)0761600015



3. Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Tên sản phẩm: Bao bì giấy MF TBA
Thời hạn sử dụng: 01 năm kể từ ngày sản xuất
Quy cách đóng gói: Xếp chồng 06 cuộn/pallet
Hướng dẫn sử dụng: Rửa tay sạch, gỡ bỏ lớp Nilon phía ngoài, đưa từng cuộn vào máy sử dụng
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô thoáng
Xuất xứ:
Nhà sản xuất: TETRA PAK JURONG PTE LTD.
Địa chỉ: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE.
Thương nhân nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRAPAK VIỆT NAM
Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Công ty kinh doanh sản phẩm Bao bì MF TBA đựng sản phẩm thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm để chứa các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn theo:

QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

2. Giới hạn công bố các chỉ tiêu an toàn thực phẩm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
3.1	Ngoại quan	hình	-
3.2	Định danh nhựa (mặt tiếp xúc thực phẩm)	Polyethylene	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
3.3	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL - Trong nước cất, 60 °C, 30 phút - Trong axit axetic 4%, 60 °C, 30 phút - Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	<5 <5 <10	30
3.4	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60 °C, 30 phút, µg/mL	<1	10

3.5	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	<1	1
3.6	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g - Chì (Pb) - Cadimi (Cd)	<5 <5	100

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Tp HCM, ngày 11 tháng 09 Năm 2019.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Trinh



Số: 2021/N3.19/ĐG

Ngày: 05/09/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Bao bì MF TBA đựng thực phẩm
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 27/08/2019
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa (bề mặt tiếp xúc thực phẩm)	Polyethylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
6.3	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL		
	- Trong nước, 60°C, 30 phút	< 5	30
	- Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	< 5	
	- Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 10	
6.4	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	10
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.6	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g		
	- Chì (Pb)	< 5	100
	- Cadimi (Cd)	< 5	

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với *Giấy phức hợp* (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm là màng nhựa tổng hợp) tiếp xúc trực tiếp với các loại **thực phẩm, thức uống không chứa cồn**.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Thị Vân Giang

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

Ref: 2021/N3.19/DG

Date: 05 September 2019

CERTIFICATE OF INSPECTION

1. Client : Tetra Pak Viet Nam Corporation
2. Declared name of sample : Package MF TBA used for food
3. Number of sample : 01 4. Sample submitted on: 27 August 2019
5. Inspection criteria : QCVN 12-1:2011/BYT- National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods.

6. INSPECTION RESULT

No.	Characteristic	Inspection result	Maximum permitted levels stated at item 5
6.1	Appearance		-
6.2	Identification of plastic (the food contact surface)	Polyethylene	Belongs to the plastic group at item 5
6.3	Content of evaporation residue extracted from the sample, µg/mL		
	- In water, 60°C, 30 min.	< 5	30
	- In acetic acid 4 %, 60°C, 30 min.	< 5	
	- In n-heptane, 25°C, 60 min.	< 10	
6.4	Content of KMnO ₄ consumed in water extracted from the sample, 60°C, 30 min., µg/mL	< 1	10
6.5	Heavy metal content (as lead) extracted from the sample in the acetic acid 4%, 60°C, 30 min., µg/mL	< 1	1
6.6	Metal content in the material, µg/g		
	- Lead (Pb)	< 5	100
	- Cadmium (Cd)	< 5	

7. Conclusion: The obtained test result of the above sample conforms to the permitted levels specified at item 5 for the laminated paper (the food contact surface is synthetic plastic film) intended to come into direct contact with **non-alcoholic foods and drinks**.

F.N: This certificate is valid for the above sample only.

INSPECTOR



PHAM THI VAN GIANG

DIRECTOR



NGUYEN THAI HUNG

KT3-04732AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/09/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : BAO BÌ MF TBA ĐỪNG THỰC PHẨM
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
2021/N3.19/ĐG/G
Nhiều bao bì giấy nhiều màu có in chữ
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 28/08/2019
5. Thời gian thử nghiệm : 29/08/2019 – 04/09/2019
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
14F Cao ốc The Metropolitan, 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1,
Tp Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**Nguyễn Phước Hải**

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 3
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A không áp dụng. Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bten Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai LZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-04732AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

04/09/2019

Trang 02/02



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa (mặt không in) bằng phương pháp phổ hồng ngoại	-	ASTM E 1252 – 98		Polyethylene
THỬ VẬT LIỆU				
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.6 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	< 10,0 (*)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH

Ghi chú: KPH: không phát hiện
(*) Giới hạn định lượng



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam

C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn